

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Số: 2690/ĐHTN-ĐT&QLNH
V/v quy đổi kết quả bài thi Kỳ thi V-SAT
với Kỳ thi tốt nghiệp THPT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 5 năm 2025

Kính gửi:

- Các trường đại học thành viên;
- Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế;
- Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai;
- Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 274/KTĐGQG-PTCCĐG ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục - Cục Quản lý chất lượng (Trung tâm KTĐGQG);

Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) thông báo đến các trường đại học thành viên, Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Hà Giang (sau đây gọi là đơn vị đào tạo) kết quả phân tích, quy đổi điểm thi Kỳ thi V-SAT và điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT. Kết quả này được Trung tâm KTĐGQG thu thập, phân tích và đối sánh kết quả điểm thi giữa Kỳ thi V-SAT năm 2024, 2025 và kết quả điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT dự kiến trên cơ sở dữ liệu năm 2024 theo phương pháp bách phân vị để tạo ra các khoảng điểm của từng môn thi bài thi V-SAT và khoảng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT tương ứng, phù hợp bảo đảm tính công bằng, minh bạch (theo phụ lục đính kèm).

Sau khi có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025, bảng quy đổi chính thức sẽ được điều chỉnh phù hợp để thông báo đến thí sinh.

ĐHTN thông báo để các đơn vị đào tạo biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT&QLNH.

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN BAN ĐÀO TẠO
VÀ QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Danh Nam

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 2490/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH VÀ QUY ĐỔI ĐIỂM THI V-SAT VÀ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT

1. Mục đích

Nhằm cung cấp phương pháp và dự kiến kết quả quy đổi điểm giữa Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (gọi tắt là Kỳ thi V-SAT) và Kỳ thi tốt nghiệp THPT bảo đảm tính công bằng, minh bạch, nhất quán trong xét tuyển đại học, đặc biệt trong trường hợp các thí sinh sử dụng kết quả từ hai kỳ thi khác nhau.

2. Cơ sở khoa học

Phương pháp quy đổi theo bách phân vị (Percentile Equating) được sử dụng trong việc quy đổi điểm thi V-SAT và tốt nghiệp THPT. Đây là kỹ thuật chuyển đổi điểm dựa trên việc so sánh phân phối điểm của hai bài thi, trong đó mỗi mức điểm trên một bài thi được gán cho mức điểm tương ứng trên bài thi kia sao cho cả hai mức điểm này có cùng vị trí bách phân vị (percentile rank) trong phân phối điểm của từng bài.

Phương pháp này có ưu điểm: (i) Đảm bảo sự công bằng tương đối về vị trí thí sinh trong mỗi kỳ thi; (ii) Không phụ thuộc vào hình thức hoặc thang điểm cụ thể của bài thi; (ii) Giảm chênh lệch điểm giữa các bài thi do độ khó đề thi khác nhau.

3. Cách thức và phương pháp thực hiện

3.1. Quy trình thực hiện

(1) Thu thập dữ liệu: Thu thập dữ liệu điểm thi của các thí sinh đã tham gia cả hai bài thi V-SAT và tốt nghiệp THPT trong cùng một năm để xây dựng hàm chuyển đổi với số lượng mẫu bảo đảm.

(2) Xây dựng phân phối phần trăm (percentile): Xếp hạng điểm của từng thí sinh và quy đổi thành tỷ lệ phần trăm xếp hạng (percentile rank).

(3) Tạo bảng đối sánh phân vị: Đối chiếu các điểm có cùng phân vị giữa hai kỳ thi.

(4) Lập bảng quy đổi điểm: Tạo bảng quy đổi điểm V-SAT sang điểm tốt nghiệp THPT với bước điểm phù hợp.

(5) Áp dụng quy đổi trong tuyển sinh: Các cơ sở giáo dục sử dụng bảng quy đổi để tính toán điểm xét tuyển cho thí sinh tham gia các kỳ thi, các ngành học/nhóm ngành khác nhau theo cùng một tiêu chuẩn cụ thể.

3.2. Phương pháp thực hiện

Xây dựng Bảng quy đổi điểm thi các môn thi V-SAT sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo phương pháp bách phân vị với phép nội suy tuyến tính. Vì môn Ngữ văn Kỳ thi V-SAT mới được đưa vào từ năm 2025 nên dự kiến các mức điểm phân vị của môn Ngữ văn Kỳ thi tốt nghiệp THPT được dự kiến theo các phân vị của tổng toàn mẫu thí sinh dự thi môn Ngữ văn năm 2024.

4. Kết quả phân tích

Bảng quy đổi điểm thi các môn thi được trình bày trong Bảng 1, Bảng 2. Trong đó, điểm thi THPT được dự kiến theo dữ liệu của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Sau khi có đầy đủ kết quả thi V-SAT và thi tốt nghiệp THPT năm 2025, bảng quy đổi chính thức theo môn/tổ hợp xét tuyển sẽ được điều chỉnh phù hợp với phổ điểm thực tế.



**Bảng 1. Bảng quy đổi điểm thi V-SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT
các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học**

TÓP	Toán		Vật lí		Hóa học		Sinh học	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
0,5%	139,6	9,2	132,1	9,25	139,5	9,75	139,5	9,5
1%	137,0	9,0	127,6	9,25	136,5	9,75	136,5	9,5
3%	131,0	8,8	120,5	9,0	129,0	9,5	131,0	9,25
5%	127,5	8,8	116,5	8,75	123,5	9,25	127,5	9,0
10%	121,0	8,6	109,5	8,5	116,0	9,0	121,0	8,75
20%	112,5	8,4	102,0	8,25	106,0	8,75	112,0	8,5
30%	106,0	8,2	96,0	8,0	99,0	8,25	105,0	8,25
40%	99,5	8,0	91,0	7,75	92,0	8,0	99,5	8,25
50%	94,0	7,8	86,5	7,5	85,5	7,75	95,0	8,0
60%	88,0	7,6	82,0	7,25	79,5	7,5	89,0	7,75
70%	81,5	7,4	76,5	7,0	72,5	7,25	82,0	7,5
80%	74,0	7,0	70,5	6,4	66,0	6,75	75,5	7,0
90%	64,5	6,4	62,5	5,5	57,0	6,0	66,0	6,25

**Bảng 2. Bảng quy đổi điểm thi V-SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT
các môn Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Ngữ văn**

TÓP	Lịch sử		Địa lí		Tiếng Anh		Ngữ văn	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
0,5%	139,5	10	129,0	9,75	141,0	9,6	135,5	9,5
1%	138,0	9,75	125,5	9,75	138,0	9,6	133,5	9,5
3%	131,5	9,5	118,5	9,6	132,0	9,4	129,5	9,25
5%	128,5	9,5	115,5	9,5	128,0	9,2	127,5	9,0
10%	124,0	9,25	110,5	9,0	121,5	9,0	124,0	8,75
20%	117,0	8,75	103,5	8,75	113,0	8,6	119,5	8,5
30%	111,0	8,5	99,0	8,5	105,5	8,4	116	8,0
40%	105,0	8,0	94,0	8,0	99,0	8,0	112,5	7,75
50%	100,0	7,75	90,0	7,75	92,0	7,8	109,5	7,5
60%	95,0	7,5	85,0	7,5	85,5	7,4	106	7,0
70%	89,5	7,0	80,0	7,25	78,5	7,0	102	6,75
80%	83,5	6,5	74,5	6,9	70,0	6,6	96,5	6,25
90%	75,5	6,0	67,5	6,5	58,5	5,8	89,5	5,5